

Other Fees 2025-2026

International Baccalaureate (IB) Program

All fees are in VND

Fee	International Program (IB)
Placement Test	2,500,000
Enrolment Fee	21,000,000
Guaranteed Fee	55,000,000
Student Insurance	TBC

Bus Fee	Yearly Basis	Termly Basis		
	Full Year	Term 1	Term 2	Term 3
Round Trip up to 5km	25,000,000	10,600,000	9,500,000	4,900,000
Round Trip from 5km to 10km	27,000,000	11,400,000	10,300,000	5,300,000
Round Trip from 10km to 15km	29,500,000	12,500,000	11,200,000	5,800,000
Round Trip from 15km to 20km	31,500,000	13,300,000	12,000,000	6,200,000
Round Trip over 20km	35,500,000	15,000,000	13,500,000	7,000,000
One way trip up to 5km	18,000,000	7,600,000	6,900,000	3,500,000
One way trip from 5km to 10km	19,000,000	8,100,000	7,200,000	3,700,000
One way trip from 10km to 15km	21,000,000	8,900,000	8,000,000	4,100,000
One way trip from 15km to 20km	22,000,000	9,300,000	8,400,000	4,300,000
One way trip over 20km	25,000,000	10,600,000	9,500,000	4,900,000

Meal Fee		Yearly Basis	Termly Basis		
		Full Year	Term 1	Term 2	Term 3
For PYP	(1 lunch + 2 snacks)	26,000,000	11,000,000	9,900,000	5,100,000
For MYP	Option 1 (1 lunch + 2 snacks)	26,000,000	11,000,000	9,900,000	5,100,000
	Option 2 (lunch only)	21,000,000	8,900,000	8,000,000	4,100,000

We also serve meal per pax with 800,000vnd/pax for 5 coupons

EAL Fee (English as an Additional Language Fee)	Yearly Basis	Termly Basis		
	Full Year	Term 1	Term 2	Term 3
	41,600,000	17,600,000	15,800,000	8,200,000

LSA Fee (Learning Support Assistance Fee)	Yearly Basis	Termly Basis		
	Full Year	Term 1	Term 2	Term 3
	177,000,000	74,700,000	67,000,000	35,300,000



Các phí khác 2025-2026

Chương Trình Song Ngữ (Lớp 6-9)

Phí tính theo đơn vị Đồng

Phí	Chương trình Song Ngữ
Phí kiểm tra đầu vào	2,500,000
Phí đăng ký nhập học	10,000,000
Khoản đảm bảo	25,000,000
Phí Bảo hiểm cho học sinh	TBC

Phí xe buýt	Phí trả theo năm	Phí trả theo học phần		
	Cả năm	Học phần 1	Học phần 2	Học phần 3
2 chiều tới 5km	25,000,000	10,600,000	9,500,000	4,900,000
2 chiều từ 5km tới 10km	27,000,000	11,400,000	10,300,000	5,300,000
2 chiều từ 10km tới 15km	29,500,000	12,500,000	11,200,000	5,800,000
2 chiều từ 15km tới 20km	31,500,000	13,300,000	12,000,000	6,200,000
2 chiều hơn 20km	35,500,000	15,000,000	13,500,000	7,000,000
1 chiều tới 5km	18,000,000	7,600,000	6,900,000	3,500,000
1 chiều từ 5km tới 10km	19,000,000	8,100,000	7,200,000	3,700,000
1 chiều từ 10km tới 15km	21,000,000	8,900,000	8,000,000	4,100,000
1 chiều từ 15km tới 20km	22,000,000	9,300,000	8,400,000	4,300,000
1 chiều hơn 20km	25,000,000	10,600,000	9,500,000	4,900,000

Phí các bữa ăn	Phí trả theo năm	Phí trả theo học phần		
	Cả năm	Học phần 1	Học phần 2	Học phần 3
Lựa chọn 1 (bữa trưa + 2 bữa phụ)	26,000,000	11,000,000	9,900,000	5,100,000
Lựa chọn 2 (chỉ bữa trưa)	21,000,000	8,900,000	8,000,000	4,100,000

Nhà Trường cũng cung cấp phiếu ăn trị giá 800,000vnd/suất gồm 5 phiếu ăn cho mỗi lần thanh toán

Phí Hỗ trợ học tập cá nhân (LSA Fee)	Phí trả theo năm	Phí trả theo học phần		
	Cả năm	Học phần 1	Học phần 2	Học phần 3
	177,000,000	74,700,000	67,000,000	35,300,000